TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2026/DS-ST
Ngày 15 - 6 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ

Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1049/2026/QĐXXST-DS ngày 20/5/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 1060/2026/QĐST-DS ngày 01/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1); trụ sở: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ CN Đ, A P, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T - Trưởng bộ phận Xử lý nợ pháp lý và ông Nguyễn Văn C - Chuyên viên Xử lý nợ (Văn bản uỷ quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị V1 và số 12506618/2025/TBKK/VPB ngày 11/12/2025 của Trưởng Phòng xử lý nợ). Ông C có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1987, địa chỉ: K N, Tổ C phường T (cũ là phường T, quận T), thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:**

Ngân hàng TMCP V cho ông Nguyễn Ngọc T1 vay vốn theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN2311241003246, số hồ sơ giải ngân 005-P-8790786 ngày 25/11/2023: Số tiền

vay/hạn mức 40.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng; Lãi suất cho vay: Lãi suất: 47,88%/năm được cố định trong suốt thời hạn cho vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông T1 đã sử dụng số tiền 597.931.600đ, đã trả số tiền 570.151.026đ, trong đó: Nợ gốc 560.941.600đ, nợ lãi 7.879.176đ, phí 1.330.250đ và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 13/8/2025 nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. V1 đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Khoản vay này V1 chưa bán nợ cho tổ chức, cá nhân nào.

Tính đến ngày 15/6/2026, ông Nguyễn Ngọc T1 còn nợ V1 số tiền nợ thẻ tín dụng là 55.362.927đ (Năm mươi năm triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc 36.990.000đ, nợ lãi 18.372.927đ.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Ngọc T1 thanh toán cho V1 tổng số tiền nêu trên và tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

*** Tại Bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 trình bày:**

Ông xác nhận có vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo Ngân hàng TMCP V cho ông Nguyễn Ngọc T1 vay vốn theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN2311241003246, số hồ sơ giải ngân 005-P-8790786 ngày 25/11/2023: Số tiền vay/hạn mức 40.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng; Lãi suất cho vay: Lãi suất: 47,88%/năm được cố định trong suốt thời hạn cho vay.

Tính đến ngày 14/4/2026, ông còn nợ V1 số tiền nợ thẻ tín dụng là 55.921.015đ (Năm mươi năm triệu, chín trăm hai mươi mốt nghìn, không trăm mười lăm đồng), trong đó: Nợ gốc 39.990.000đ, nợ lãi 15.931.015đ.

Tuy nhiên, hiện nay thu nhập của ông rất thấp, không ổn định, chỉ đủ đáp ứng các chi phí sinh hoạt thiết yếu hàng ngày. Ông không có tài sản gì có giá trị lớn để có thể xử lý nhằm thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, ông đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho trả số nợ 2.000.000đ/tháng và xem xét miễn phần lãi vi vượt quá khả năng thanh toán của ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T1 thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng; đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự; ông T1 có nơi cư trú tại K N, Tổ 34TKT phường T, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật

Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Bị đơn Nguyễn Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Ngọc T1 vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN2311241003246, số hồ sơ giải ngân 005-P-8790786 ngày 25/11/2023: Số tiền vay/hạn mức 45.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay tiêu dùng; Lãi suất cho vay: Lãi suất: 47,88%/năm được cố định trong suốt thời hạn cho vay; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Trả nợ gốc, lãi: hàng tháng. Và các điều khoản khác.

Như vậy, Hợp đồng tín dụng nêu trên thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên; đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông T1 đã sử dụng số tiền 597.931.600đ, đã trả số tiền 570.151.026đ, trong đó: Nợ gốc 560.941.600đ, nợ lãi 7.879.176đ, phí 1.330.250đ và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 13/8/2025 nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. V1 đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Khoản vay này V1 chưa bán nợ cho tổ chức, cá nhân nào.

Xét, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, là người có lỗi trong việc chậm thanh toán tiền nợ. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung năm 2017 nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc ông T1 phải thanh toán cho V1 tổng số tiền tính đến ngày 15/6/2026 là 55.362.927đ (Năm mươi năm triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc 36.990.00đ, nợ lãi 18.372.927đ.

Kể từ ngày 16/6/2026 ông Nguyễn Ngọc T1 phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN2311241003246, số hồ sơ giải ngân 005-P-8790786 ngày 25/11/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho V1.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn V1 được chấp nhận nên bị đơn ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự;

- Điều 91 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của Ngân hàng TMCP V đối với ông Nguyễn Ngọc T1.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 15/6/2026 là 55.362.927đ (Năm mươi năm triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc 36.990.000đ, nợ lãi 18.372.927đ.

Kể từ ngày 16/6/2026 ông Nguyễn Ngọc T1 phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN2311241003246, số hồ sơ giải ngân 005-P-8790786 ngày 25/11/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho V1.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.768.000đ *(Hai triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng)* ông Nguyễn Ngọc T1 phải chịu.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.284.638đ *(Một triệu, hai trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng)* theo biên lai thu số 0002463 ngày 16/3/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 15/6/2026; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp

TAND KHU VỰC 3
ZFI150626.TL.QDBA
1639